# ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I 

PHÒNG GĐ\&ĐT ÂN THI
TRƯỜNG THCS ĐĂNG LẼ̃ (ĐỂ CHÍNH THỨC)

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I
Môn: Tiếng anh 6
Năm học 2018-2019
Thời gian làm bài : 45 phút

## * LISTEN * (2 điểm)

I/ Điền tên hoạt động hoặc số giờ vào chỗ trống sao cho phù hợp để hoàn thành thời gian biểu của Nga. (Mỗi chỗ trống điền không quá 3 từ) (1 điểm)

1. $\qquad$ : six fifteen
2. half past six
3. $\qquad$
4. : go to school

II/ Chọn đáp án đúng để trả lời cho những câu hỏi sau. (1 điểm)

1. What time does Nga have classes?
A. $7: 15$
B. 11:30
C.7.30
D. None are correct
2. How many hours does she spend doing her homework every day?
A. 1 hour
B. 2 hours
C. 3 hours
D. 4 hours
3. What does she do from 7 to 8 o'clock?
A. She does her homework.
B. She watches TV.
C. She cooks dinner.
D. She does her housework.
4. What does she do before going to bed?
A. She listens to music.
B. She does her home work.
C. She reads books.

* LANGUAGE FOCUS (3 điểm)

I/ Choose the word whose underlined part pronounced is differently from that of the others. (1 điểm)
1.
A. city
B. class
C. clock
D. country.
2.
A. lake
B. grade
C. face
D. park
3.
A. what
B. who
C. where
D. when
4.
A. street
B. tree
C. engineer
D. week

II/ Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below. (2 điểm)

1. Lan and Nam $\qquad$ thirteen years old.
A. 'm
B. am
C. are
D. is
2. They have history $\qquad$ Tuesday and Saturday.
A. of
B. in
C. at
D. on
3. He $\qquad$ to music in the evening.
A. listens
B. watches
C. gets
D. goes
4. This is my father. $\qquad$ name is Phong.
A. Her
B. His
C. You
D. your
5. -Tom: Do you play volleyball? -Mary: No, $\qquad$ .
A. you do
B. you don't
C. I do
D. I don't
6. People play soccer at the $\qquad$ .
A. supermarket
B. movie theater
C. stadium
D. police station
7. Minh: $\qquad$ - Nga: They are doctors.
A. What they are doing?
C. What are they doing?
B. What are they do?
D. What do they do?
8. She $\qquad$ her bike to school now.
A. ride
B. rides
C. riding
D. is riding

## *READING (3 điểm)

## I/ Choose the word (A, B, C, or D) that best fits each of the blank spaces. (2 điêm)

Hi! My name's Lan. I live in a house in a small city. It's very (1)_ here. Every day, I get up and (2) $\qquad$ my teeth. Then I go to school. My school is near my house and I don't have any bike so I (3) $\qquad$ .
I have breakfast (4) $\qquad$ school. Classes start at seven and (5) $\qquad$ at half past eleven. I have lunch at twelve o'clock. In the afternoon, I (6) $\qquad$ soccer. I do my (7) $\qquad$ and watch television. I go to (8) $\qquad$ at teno clock in the evening.
1.
A. quiet
B. difficult
C. late
D. old
2.
A. brushes
B. brush
C. brushing
D. am brushing
3.
A. ride
B. drive
C. walk
D. take
4.
A. on
B. in
C. of
D. at
5.
A. finishes
B. end
C. ends
D. begins
6.
A. play
B. plays
C. playing
D. am playing
7. A. subject
B. mountain
C. homework
D. homeworks
8.
A. work
B. school
C. house
D. bed

## II/ Read the text and answer the questions. (1 điểm)

Thu's school is in the city. It's' on Tran Phu Street. It's a big school. It has three floors and twenty-six classrooms. Thu is in grade 6 . Her classroom is on the second floor. Thu goes to school in the morning. She has classes from seven to half past eleven.

1. Is Thu's school small or big?
2. How many classrooms are there in Thu's school?
3. Where is her classroom?
$\checkmark$
4. What time do her classes start?

2

* WRITING (2 điểm)

I/ Re- order the words to make full sentences: (1 điểm)

1. is/ a / hotel / near / there / my / house.
2. students / are / many / there / how / his / in / class?
\% $\qquad$
3. we / in / grade / are / 6 .
.
4. your / does / house / yard / have / a?

2
II/ Rewrite the following sentences as shown. (1 điểm)

1. There are many flowers in our garden.

Our garden $\qquad$
2. Tom drives to work every morning.

Tom travels
to the right of the bakery.
The bakery
4. My sister goes to school on foot.

My sister $\qquad$
****** THE END

PHÒNG GĐ\&ĐT ÂN THI
TRUƠƠNG THCS ĐĂNG LẼ̃

ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CHẤT LỰ̛̣NG
HỌC Kİ I
Môn: Tiếng anh 6
Năm học 2018-2019
(Mỗi đáp án đúng $\mathbf{0 , 2 5}$ điểm)

* LISTEN (2 điểm)

I/ Điền tên hoạt động hoặc số giờ vào chỗ trống sao cho phù hợp để hoàn thành thời gian biểu của Nga. (Mỗi chỗ trống điền không quá 3 từ) ( 1 điểm)

1. get up
2. have breakfast
3. 6.45
4. have luch

II/ Chọn đáp án đúng để trả lời cho những câu hỏi sau. (1 điểm)

| 1 | 2 | 3 | 4 |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| A | B | B | C |

* LANGUAGE FOCUS

I/ Choose the word whose underlined part pronounced is differently from that of the others. (1 điểm)

| 1 | 2 | 3 | 4 |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| A | D | B | C |

II/ Choose the word or phrase that best completes each unfinished sentence below. (2 điểm)

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- |
| C | D | A | B | D | C | D | D |

* READING

I/ Choose the word (A, B, C, or D) that best fits each of the blank spaces. (2 điểm)

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- | :--- |
| A | B | C | D | B | A | C | D |

II/ Read the text and answer the questions. (1 điểm)
(Sai chính tả và ngũ pháp không tính điểm)

1. It's big.
2. There are 26 classrooms.
3. It's on the second floor.
4. They start at 7 .

* WRITING (2 điểm) (Sai chính tả và ngũ pháp không tính điểm)

I/ Re- order the words to make full sentences: (1 điểm)

1. There is a hotel near my house.
2. How many students are there in his class?
3. We are in grade 6.
4. Does your house havr a yard?

II/ Rewrite the following sentences as shown. (1 diểm)

1. Our garden has many flowers.
2. Tom travels to work by car every morning.
3. The bakery is to the left of the drugstore.
4. My sister walks to school.
